TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2018/DS-PT
Ngày: 29-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quý
Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến
Bà Võ Thị Thanh Phượng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS – ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2018/QĐXXPT – DS ngày 08 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 472/2018/QĐ - PT ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:*
1. Bà Cao Thị N, sinh năm 1948
2. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1945
Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai
Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Huy H, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:*
1. Ông Phạm Việt H, sinh năm 1968
2. Bà Phan Thị Kim K, sinh năm 1968
Cùng địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Phạm Việt Hiếu N, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Việt Anh S, sinh năm 1979
Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Phan Thị Kim K, ông Phạm Việt H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Việt Hiếu N

(Ông H, bà K, anh N, ông S – có mặt, ông H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm

Trong đơn khởi kiện ngày 31/8/2017, bản tự khai ngày 23/10/2017, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ghi ngày 03/5/2018 và các biên bản làm việc tiếp theo của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng tháng 4/2015 vợ chồng bà N có nhu cầu bán nhà thì vợ chồng ông H, bà K là người giới thiệu cho vợ chồng bà N bán nhà. Do vợ chồng bà N già yếu, không có con cái nên trong tháng 4/2015 vợ chồng bà N nhận vợ chồng bà K, ông H làm con nuôi, để tuổi già đau bệnh có người chở đi thăm khám.

Trong tháng 4/2015 vợ chồng bà N bán nhà và có số tiền 230.000.000 đồng, vào tháng 4/2015 (không nhớ ngày cụ thể) thì vợ chồng ông H bà K có hỏi mượn bà N, ông L số tiền 120.000.000 đồng. Khi đó vợ chồng ông H có nói ba mẹ cho vợ chồng con vay, khi nào ba mẹ cần thì báo trước một tháng vợ chồng con sẽ trả lại. Mục đích vay là để chi tiêu trong gia đình, trả nợ và mua xe cho cháu N. Khi vay tiền không viết giấy biên nhận, không tính lãi suất, vì nghĩ là con nuôi cũng là con cái nên tin tưởng. Việc giao nhận tiền diễn ra 01 lần tại nhà ông L, do vợ chồng ông L giao trực tiếp cho vợ chồng ông H nhưng không có ai làm chứng.

Sau khi nhận tiền thì sáng hôm sau ông H chở ông L, anh N, và anh S đi mua xe Honda cho anh N con của ông H giá 50.000.000 đồng, xe hiệu gì ông L không biết. Đến tháng 6/2017 được biết vợ chồng ông H bán nhà nên vợ chồng bà N có đến nhà yêu cầu trả số tiền 120.000.000 đồng thì vợ chồng ông H có trả số tiền 20.000.000 đồng, sau đó có hứa miệng mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, vợ chồng bà N cũng đồng ý và yêu cầu làm cho ông bà giấy tờ thể hiện đồng ý mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông H không làm. Đến nay sau nhiều lần yêu cầu trả tiền mà vợ chồng ông H không trả. Nay yêu cầu ông H, bà K và anh N liên đới có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà N, ông L số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai ghi ngày 23/10/2017, các biên bản làm việc tiếp theo của bị đơn ông H, bà K trình bày:

Khoảng tháng 4/2015 vợ chồng tôi môi giới mua bán nhà cho vợ chồng bà N là đúng sự thật. Cũng trong tháng 4/2015 thì vợ chồng bà N nhận chúng tôi làm con nuôi, khoảng vài tháng sau thì vợ chồng tôi thấy không thích hợp nên không đồng ý làm con nuôi nữa.

Vào năm 2015 (không nhớ ngày tháng cụ thể) vợ chồng tôi có hỏi vay vợ chồng bà N số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay để xoay xở chi tiêu cuộc sống gia đình, không thỏa thuận thời gian trả, không tính lãi suất, việc vay mượn tiền cũng không làm giấy tờ gì. Đến tháng 3/2017 thì vợ chồng tôi bán nhà và vợ chồng bà N qua nhà đòi nên chúng tôi trả 20.000.000 đồng, không trả thêm lãi suất. Số tiền vay 20.000.000 đồng chúng tôi đã trả xong. Việc vợ chồng bà N trình bày vào tháng 4/2015 vợ chồng tôi vay ông bà số tiền 120.000.000 đồng như trên là không đúng sự thật.

Việc ông L mua xe cho anh N là có thật nhưng đó là việc giữa ông L với cháu N, là do ông L có tiền sắm xe cho cháu chứ chúng tôi không mượn tiền của vợ chồng ông L để mua xe cho cháu N.

Nay vợ chồng bà N, ông L yêu cầu chúng tôi trả số tiền 100.000.000 đồng chúng tôi không đồng ý do chúng tôi không vay.

Ngoài ra chúng tôi không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Việt Hiếu N trình bày tại hồ sơ:

Tôi là con ruột của ông H, bà K. Do vợ chồng bà N nhận cha mẹ tôi làm con nuôi nên cũng nhận tôi làm cháu nuôi, vào ngày 30/4/2015 sau khi bán nhà thì ông L có hỏi tôi thích xe gì ông mua cho nên tôi có nói thích xe Exiter nên ông L, tôi, ông H và ông S đến Salon Dũng Biên Hòa có chi nhánh tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai để mua 01 xe Honda Exiter với số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng để mua xe là do ông L đem theo và ông L là người trực tiếp trả số tiền trên cho Salon xe. Xe Exiter trên là do tôi đứng tên, biển số xe 60C2-33527, xe trên tôi đã chuyển nhượng lại cho anh làm cùng công ty là anh N ở xã L, tôi không nhớ tên họ cụ thể là gì, giấy tờ mua bán xe cho anh N cũng đã mất hết.

Số tiền để mua xe là 50.000.000 đồng là do vợ chồng ông L, bà N tự nguyện cho tôi, tôi không vay tiền cũng không xin ông bà tiền để mua xe. Tôi không biết gì về việc vay mượn tiền giữa cha mẹ tôi với vợ chồng bà N, ông L.

Do đi làm công nhân, xin nghỉ khó khăn nên tôi xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử. Đề nghị Tòa tiến hành giải quyết vụ việc vắng mặt tôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng ông Phan Việt Anh S trình bày: ông là em ruột của ông Phạm Việt H. Khoảng tháng 4/2015 ông làm nghề xe ôm nên ông Phạm Việt H, và Phạm Việt H N thuê ông chở ông Phạm Văn L đi cùng nhau tới địa chỉ cửa hàng Honda Dũng Biên Hòa để mua xe cho anh N. Trong khi ngồi nói chuyện, uống cafe ở gần cửa hàng Honda Dũng Biên Hòa, ông chứng kiến việc ông L nói với anh N " Con thích mua xe gì, ông nội mua cho con, cho con đứng tên xe luôn, sau đó ông ông L đứng dậy rút tiền từ túi sau ra một sấp tiền 500 ngàn, và ông L trực tiếp trả tiên cho Salon Dũng Biên Hòa". Sau khi mua xe cho anh N, chúng tôi cùng nhau đi về.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2018/DS – ST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 228, 235, 264, 266, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị N và ông Phạm Văn L đối với bị đơn ông Phạm Việt H, bà Phan Thị Kim K và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Việt Hiếu N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc ông Phạm Việt H, bà Phan Thị Kim K và anh Phạm Việt Hiếu N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Cao Thị N và ông Phạm Văn L số tiền

50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông H, bà K và anh N phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà N-ông L, hoàn trả cho bà N, ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 001868 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 bị đơn ông Phạm Việt H, bà Phan Thị Kim K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Việt Hiếu N kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng với các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn không thống nhất số tiền cho vay. Bà N, ông L cho rằng ông H, bà K vay số tiền 120.000.000đồng đã trả được 20.000.000 đồng song không cung cấp được giấy tờ chứng minh. Bị đơn chỉ thừa nhận vay số tiền 20.000.000đồng và đã trả cho ông L, bà N. Nguyên đơn cũng cho rằng số tiền 50.000.000 đồng anh N mua xe là tiền vay của ông, bà. Bị đơn không thừa nhận mà cho rằng đây là số tiền ông L cho riêng anh N để mua xe mà không phải là tiền vay mượn. Các bên đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Qua xác minh Tòa án cấp sơ thẩm cũng như việc thừa nhận cả ông H, bà K, anh N thì có việc mua xe mô tô và xe được đăng ký tên anh N.

Từ những phân tích trên, đề xuất không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Kim K, ông Phạm Việt H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Việt Hiếu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, việc áp dụng pháp luật giải quyết, thẩm quyền giải quyết vụ án và xác định tư cách người tham gia tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ.

Đơn kháng cáo của ông H, bà K và anh N làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp

Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất số tiền vay. Bà N, ông L cho rằng đã cho bị đơn ông H, bà K vay tổng cộng số tiền 120.000.000 đồng, bị đơn đã trả 20.000.000 đồng và còn nợ 100.000.000 đồng, trong đó có 50.000.000đồng ông H, bà K vay để mua xe mô tô cho con trai là anh Phạm Việt Hiếu N. Tuy nhiên, đối với việc nguyên đơn cho rằng đã cho bị đơn ông H, bà K vay tổng cộng số tiền

120.000.000đồng và bị đơn đã trả 20.000.000đồng thì nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ để chứng minh.

Bị đơn ông H, bà K chỉ thừa nhận vay số tiền 20.000.000đồng và đã trả cho bà N, ông L. Ông H, bà K và anh N thừa nhận có việc mua xe mô tô nhưng 50.000.000đồng tiền mua xe là do ông L cho anh N để mua. Do ông L, bà N nhận ông H và bà K là con nuôi nên ông L, bà N đã tự nguyện bỏ tiền mua xe cho cháu N là con của ông H và bà K.

Theo biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm tại cửa hàng xe máy Dũng Biên Hòa và các tài liệu do Công an huyện N cung cấp thì xác định người mua xe là anh N, ông L không thừa nhận việc cho tiền để anh N mua xe. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông L cho anh N tiền mua xe. Ông Phạm Việt Anh S là em ruột của bị đơn ông H nên việc ông S cho rằng; ông có chứng kiến ông L cho anh N tiền để mua xe ở cửa hàng Honda Dũng Biên Hòa là không có cơ sở xem xét.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, ông L đối với số tiền 50.000.000 đồng và buộc ông H, bà K và anh N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông L, bà N số tiền là 50.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích, nhận định trên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Kim K, ông Phạm Việt H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Việt Hiếu N.

[3] Về án phí:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà K và anh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004050 và biên lai thu số 004051 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. ông H, bà K và anh N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch là: 50.000.000đ x 5% = 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà N,ông L do có đơn xin miễn án phí và ông, bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông L, bà N là đúng quy định. Hoàn trả cho bà N, ông L 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001868 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án Huyện N.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

Vì các phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Kim K, ông Phạm Việt H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Việt Hiếu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị N và ông Phạm Văn L đối với bị đơn ông Phạm Việt H, bà Phan Thị Kim K và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Việt Hiếu N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Phạm Việt H, bà Phan Thị Kim K và anh Phạm Việt Hiếu N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Cao Thị N, ông Phạm Văn L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Về án phí: Ông H, bà K và anh N phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Án phí dân sự phúc thẩm ông H, bà K và anh N đã nộp đủ. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả cho bà N, ông L 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001868 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án Huyện N

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 648 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND huyện Nhơn Trạch;
- VKS.ND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA.DS huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Quý